

INDO-CHINOIS

1713

家禮簡要

GIA - LỄ GIAN - YÊU

DÉPÔT-LEGAL
RÉSIDENCE SUPERIEURE
TONKIN

có cả

CÁC BÀI VĂN KHẮN

DÉPÔT-LEGAL
INDO-CHINE
N^o 17574

và

KHOẢN-THỨC BIÊN GIA - PHẢ



CỦ-NHÂN

Dương-Bá-Trạc

Soạn

*Depôt légal
Tirage mille exemplaires
Hanoi le 17-4-32
L'Imprimerie editor
Đông-Tây*



HANOI

ĐÔNG-TÂY ẤN-QUÁN

193, PHỐ HÀNG BÔNG, 193

xuất bản

Avril 1932

Giá 0\$15

MỘT CUỐN SÁCH NHÀ NÀO CÓ
CON EM CŨNG CẦN PHẢI CÓ



Ai có
con em
chả muốn cho
con em trở nên
người có giáo - dục
nhưng phương - ngôn có
câu : bé không vin, nhón
gãy cành và dạy con từ thuở
còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới
về, thì chắc ai cũng muốn dạy
chúng khi còn nhỏ, xong có nhiều người
thấy chúng học hết A B C, đọc được quốc-
ngữ rồi thì cứ phân vân không biết cho chúng
học sách gì, vậy xin giới thiệu với các Ngài cuốn

VẠN VĂN BÁCH TUYẾN

của ông Dương-tụ Quán, trong đã chọn kỹ những bài trẻ thích
học, dễ hiểu lại có nhiều điều bổ ích lắm. Cuốn này Hội
đồng duyệt sách đã ban khen và đã cho dùng trong
các trường khắp cõi Đông-Pháp. Từ khi xuất
bản, các ông trong giáo - giới hoan nghênh
một cách đặc biệt nên hiện đã IN ĐẾN LẦN
THỨ TƯ rồi. Sách dày 100 trang, giá
bán 0\$35, cước thường 0\$06, cước
recommandé 0\$16. Có bán
tại khắp các hàng sách
và ở Đông - tây
ấn - quán 193,
hàng Bông.

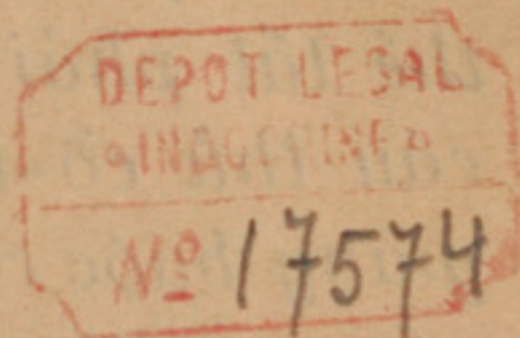
Hanoi



Ai mua từ 10 cuốn trở lên sẽ biếu thêm một cuốn.
Mua một cuốn xin gửi bằng timbres postes cũng được.

GIA-LỄ GIẢN YẾU

có cả



CÁC BÀI VĂN KHẮN

và

KHOẢN-THỨC BIÊN GIA - PHẢ



CỬ-NHÂN

Dương-Bá-Trạc

Soạn



1932

IN TẠI NHÀ IN ĐÔNG-TÂY

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

TỰA

Lễ tục nước ta trọng nhất là tang tế. Ngày nay tuy phong-hội đổi thay, công việc phiền-phức, sự sinh-hoạt của người mình phải tít-bụt bộn bâng, thế tất phải theo thời biến thông, không thể nào câu thủ cổ-lễ cả được. Nhưng cái lễ tang tế là để giàng buộc cái lòng hiếu kính của người ta, dù bao giờ cũng là những điều quốc-túy rất hay cần phải giữ gìn lắm. Tôi trộm nghĩ thế nên có soạn ra bản gia-lễ này, cốt là để cho con cháu trong nhà noi giữ, nhân tiện xuất bản đề xin chất-chính cùng các nhà thức-giả duyệt-chính cho.

Vả nước ta xưa kia chuyên học chữ Tàu, quốc-văn hầu như không nhìn nhận tới nữa. Phạm những văn tế văn khấn đều làm bằng chữ Tàu, cho đến gia-phả các nhà cũng đều chép bằng chữ Tàu cả. Nay đã biết sùng-thượng quốc-văn, lại nhân Âu - học truyền-bá sang, chữ Tàu ít ai còn học nữa ; e trong khoảng vài ba chục năm sau đây, không mấy người còn xem nổi cái gia-phả của nhà mình cũ bằng chữ Tàu, mà văn tế văn khấn bằng chữ Tàu cũng không thích dụng nữa. Vì thế không ngại thô-thiển, có nghĩ sẵn các thẻ văn tế văn khấn và phụ một bản khoản thức chép gia-phả bằng quốc-văn, không vụ văn hoa, chỉ cần giản-đi, để cho hể thấy mọi người, dù người có học hay người không có học, đều có thể theo đấy mà chép lấy cái gia-phả của nhà mình và tế khấn trong khi làm lễ tang tế ; cũng mong giúp chút công nhỏ mọn trong sự duy trì quốc-lúy nước nhà vậy.

Ngày mồng hai tháng sáu năm Mậu thìn

SOẠN - GIẢ căn tựa

GIA-LỄ GIẢN YẾU

Lễ Tang

Khi rui trong nhà có tang thì sửa soạn áo quan đồ liệm cẩn thận rồi làm *lễ nhập quan*, xong, sửa soạn đủ đồ tang-phụ cho cả người nhà. Theo như phục-chế, con thì mũ sô, áo gai, giầy lưng chuỗi; cháu thì mũ vải to, áo vải to; anh em thì khăn vải trắng, áo vải trắng, mặc vào đầu đầy cả rồi làm *lễ thành phục* (1); trước khi đem táng một giờ thì làm *lễ đem táng*; táng xong đến ngày thứ ba thì làm *lễ ngu* (2); (an vi) sau khi mất trăm ngày thì làm *lễ tốt khóc* (3); đỗ đầu thì làm *lễ tiêu-tường* (4); đỗ hết thì làm *lễ đại-tường*; sau đỗ hết ba tháng thì cả người nhà đều bỏ đồ để tang rồi làm *lễ trừ-phục* (5).

Đem táng nên theo cổ lễ ta, hoặc có trường đối của các người phúng viến, thì dân đi trước, nếu không có thì thôi; thứ đến cái bàn trên để minh tinh (tức là chức tước danh hiệu người chết để vô lăm lưa hoặc vải dài) phép để minh tinh là để tỏ cho thiên hạ biết người chết là ai, nên phải để rõ cả chức tước, họ, tên, tên hiệu người chết, đàn bà thì phải để rõ cả là vợ lớn hoặc vợ kế hoặc vợ thứ ông

(1) nghĩa là đã xong các thứ áo chớ thì làm lễ để mặc (tục gọi là *lễ phát tang*).

(2) nghĩa là an, làm lễ an thần.

(3) nghĩa là từ hôm ấy thì thôi không khóc bất thời như trước. Tục ta thường tính từ khi táng giờ đi, đủ 3 tháng 10 ngày thì làm lễ này.

(4) *tường* nghĩa là lạnh. Vì tang là hung sự (việc giữ), đến đây đã dần dần biến đi thành lạnh.

(5) gọi là *đạm lất* cũng được. Đạm nghĩa là nhạt bớt người dần

mỗ ; như không có bàn thì buộc vô một cây tre nhỏ vác đi cũng được ; thứ đến cái bàn trên để cái khung ảnh người chết và bàn chè, quả dầu, đài rượu, như không có bàn thì một người bưng cao một cái khung ảnh mang đi cũng được ; thứ đến quan tài để trên bộ đòn đại-dư, con cháu anh em cùng người đi đưa đám đều đi theo sau đại dư lạng-lẽ chỉnh-tề, tỏ ra vẻ rầu rĩ thương xót, không được nói năng trò chuyện, chạy ngang chạy dọc, mà đến cả khóc lóc om-sòm cũng không nên. Như ở nơi không sẵn đòn đại-dư thì hoặc dùng xe đưa đám, hoặc dùng xong-loan đưa đám cũng được ; cốt phải giữ đưng làm những trò lố lăng không hợp lễ mà không có ý nghĩa gì về việc tang như kèn trống, nhạc tây, nhạc tàu, phường tuồng đóng đám v. v. lại đưng làm những sự vô ích mà thêm tiết-độc như mâm bánh, mâm xôi, mâm thịt quay v. v.

Trong khi có việc tang nhất thiết không nên đãi cỗ đãi bàn khách-khứa gì cả, vì làm như thế mất hẳn ý nghĩa về việc tang, nhà có tang mà chỉ tị tít lo sự làm cỗ làm bàn, tiếp đãi hầu hạ khách khứa thì còn bụng nào thương tiếc tới người chết, người đến đám tang phúng viếng mà nở lòng ngồi ăn uống, say-sưa vui vẻ thì còn gì lương-tâm, không phải lúc đãi khách mà đem đãi khách, khách không phải lúc đáng ngồi ăn mà ngồi ăn, đều vô lý quá, nên bỏ hẳn tục ấy ; như ở chỗ hương thôn còn thói xấu nợ miệng thì nên xuất ra một số tiền quá hơn số tiền làm cỗ đưa cho người làng tùy ý họ hoặc chia tay nhau, hoặc đem ăn uống đâu thì ăn uống hoặc để làm việc công ích trong dân, thế cũng là thỏa thiếp.

Đề trở

A. — Đề trở về hàng Cao tổ, Tăng-Tổ, và Tổ

— 1. Đề trở Cao-Tổ phụ mẫu là ông bà sinh ra ông cụ (Tăng-Tổ) thời : Ti-thời 3 tháng (1).

1) Đây là theo Văn-cộng Gia-lễ. Ti là bằng, nghĩa là gấu áo hơi viền qua lại.

— 2. Đề trở Tăng Tổ phụ mẫu, là ông bà sinh ra ông Tổ thời Ti thời 5 tháng.

Nếu cha và ông đã mất rồi mà mình là cháu trưởng thừa trọng thì phải trở Tăng-tổ Trảm-thôi (1) 3 năm, đề trở bà Tăng-tổ thì Ti-thôi 3 năm.

— 3. Đề trở Tăng-tổ bá-thúc phụ mẫu, là ông bà cụ họ anh em ruột với ông Tăng tổ mình, đều Ti-ma (2) 3 tháng.

— 4. Đề trở Tăng-tổ cô, là bà cụ họ, chị em ruột với ông Tăng-tổ mình thì Ti-ma 3 tháng, mà đã xuất-giá thì thôi.

— 5. Đề trở Tổ-phụ mẫu, là ông bà sinh ra cha thì Ti-thôi 1 năm, không có gậy. Nếu cha đã mất trước thời một đích-tôn thừa-trọng phải đề Trảm-thôi ba năm, có gậy. (Các cháu đề trở Thử-tổ mẫu là vợ lẽ ông thì Tiểu-công (3) 5 tháng).

— 6. Đề trở tổ bá là anh ruột của ông tổ mình, tổ - bá-mẫu là vợ ông tổ-bá, tổ-thúc là em ruột của ông tổ mình, tổ thúc-mẫu là vợ ông tổ-thúc và tổ-cô là chị em gái ruột của ông tổ mình đều Tiểu-công 5 tháng. Nếu bà tổ-cô đã xuất giá thì giáng phục 3 tháng.

* * *

B. — Đề trở về hàng cha mẹ

— 1. Trở cha mẹ thời Trảm-thôi (1) 3 năm, cha dùng gậy tre. Mẹ dùng gậy vông.

— 2. Trở bác giai bác gái với chú, thím và cô, là anh em chị em ruột với cha, đều cơ-niên (1 năm) Cô đã xuất giá thì giáng-phục đại-công (4) 9 tháng.

1) Thôi nghĩa suy đời tiểu tụy — Trảm nghĩa là chặt; may áo không cắt mà chỉ chặt là tỏ ra ý đau đớn.

2) Ti ma thì dùng thứ vải thực nhỏ, sợi tinh tế như tơ (ti là tơ).

3) Tiểu-công thì dùng vải nhỏ, sợi đã chín — nghĩa chữ tiểu công là ý nói công làm vải đã kỹ càng hơn trước.

4) Đại công thì dùng vải sợi còn sống (làm chưa chín, chưa kỹ) nghĩa chữ đại công là làm vải đã hơi da công mà còn thô lớn.

— 3 Trở bác giai bác gái với chú thím và cô họ là anh em chị em con chú con bác với cha, đều Tiều-công 5 tháng. Cô đã xuất-giá thì Ti-ma 3 tháng.

— 4. Trở bác giai bác gái với chú thím và cô họ là anh em chị em cháu chú bác với cha, đều : Ti-ma 3 tháng, cô xuất-giá thời thôi.

* * *

PHỤ : ĐỂ TRỞ VỀ HÀNG TAM-PHỤ BÁT-MẪU.

1. Trở cha ghẻ (người chồng sau của mẹ). Nếu có ở cùng thì để trở 1 năm. — Hoặc trước ở cùng mà sau không ở nữa, thì : Ti-thôi 3 tháng — Nếu trước sau đều không ở cùng thời « không tang ».

— 2. Trở người kế - mẫu (1) đã đi lấy chồng, mình có theo ở cùng người cha ấy, thời trở 1 năm. Nếu không cùng ở thời không tang.

— 3. Trở mẹ Địch (2) mẹ Kế mẹ Nuôi, thời Ti-thôi 3 năm. Nếu Kế-mẫu bị đẩy bỏ thời không tang.

— 4. Từ-mẫu là mẹ sinh ra mình đã mất mình còn bé, cha khiến người thiếp khác nuôi lấy làm con, nên gọi là từ-mẫu. Trở Ti-thôi 3 năm.

— 5. Mẹ sinh mình mà khi sau cha mình mất, lại đi lấy chồng gọi là giá mẫu, trở 1 năm.

Người mẹ mình đã bị cha mình đẩy bỏ, gọi là xuất-mẫu, trở 1 năm.

Người vợ lẽ của cha mà có con thì gọi là thứ-mẫu trở một năm, người con thứ-mẫu để trở mẹ đẻ ra mình (sinh mẫu) Ti-thôi 3 năm.

— 6. Để trở vợ lẽ cha hoặc nàng hầu cha mà không con thì Ti-ma 3 tháng.

(1) Kế mẫu là mẹ mình mất đi rồi, cha lấy người ấy về để nuôi nấng mình gọi là kế mẫu.

(2) Địch mẫu là mẹ đẻ ra mình, hoặc mình là con vợ thứ, địch mẫu tức là vợ cả của cha.

C. — Để trở người cùng hàng

— 1. Trở vợ thì Ti-thời 1 năm (cơ-niên) có gậy. Nếu còn cha mẹ thì không có gậy.

— 2. Trở vợ lẽ (nàng hầu không con 3 tháng, có con, 5 tháng.

— 3. Trở anh em chị em ruột 1 năm. — Chị em dâu 9 tháng. — Chị em ruột đã xuất giá thì 9 tháng.

Chị em ruột đã xuất giá mà lại bị đẩy về thì trở 1 năm.

— 4. Trở anh em chị em con chú con bác (tụng huynh đệ) đều 9 tháng. Người vợ anh em con chú con bác thời 5 tháng. Người chị em con nhà chú bác (tụng tử muội) mà đã xuất giá thời 3 tháng.

— 5. Trở anh em chị em họ cháu chú cháu bác (tả; tụng huynh đệ) thì 5 tháng, người chị em dâu ấy 3 tháng. Người chị em đã xuất giá thời 3 tháng.

Anh em chị em chắt chú chắt bác (Tam tụng) thì 3 tháng. Chị em dâu và chị em đã xuất giá đều không tang.

— 6. Trở anh em chị em cùng mẹ khác cha thời 5 tháng. Vợ cũng không phải trở.

D. — Để trở hàng con

— 1. Trở con trưởng và các con thứ đều một năm không gậy. Trở nàng dâu thời duy có dâu trưởng là 1 năm. Còn các dâu thứ đều 9 tháng. Dù con có đi làm con nuôi ai cũng trở như vậy.

— 2. Trở con gái 1 năm. Đã xuất giá 9 tháng. Xuất giá mà lại phải trở về, cũng 1 năm.

— 3. Trở con rể 3 tháng.

— 4. Trở cháu giai con nhà anh em (điệt nam) thì 1 năm. Vợ người cháu 9 tháng. Cháu có đi làm con nuôi ai thì trở 9 tháng. Vợ thì 5 tháng. Cháu gái (điệt nữ) một năm. Đã xuất giá thì 9 tháng.

— 5. Trở con giai con gái nhà tụng huynh-đệ (đường-điệt) thì đều 5 tháng. Vợ với con gái đã xuất giá thì đều 3 tháng.

— 6. Trở con giai con gái nhà anh em tái tụng (tái trung diệt) thì 3 tháng. Vợ, và cháu gái, không tang.

* *

Đ. — Để trở hàng cháu

— 1. Trở cháu giai đích-tôn thì một năm. Vợ 5 tháng.

— 2. Trở các cháu giai gái thứ thì 9 tháng. Vợ 3 tháng, cháu gái đã xuất giá 5 tháng.

— 3. Trở các cháu giai gái con nhà anh em diệt tôn : 5 tháng. Vợ và gái đã xuất giá : 3 tháng.

— 4. Trở các cháu giai gái nhà tụng huynh đệ (đường diệt tôn) 3 tháng. Vợ và gái đã xuất giá không tang.

* *

E. — Để trở hàng Tăng-tôn (cháu 4 đời)

— Trở chắt giai, chắt gái 3 tháng : Vợ, và chắt đã xuất giá thì không tang.

G. — Để trở hàng Huyền-tôn (cháu 5 đời)

— Trở cháu năm đời 3 tháng, vợ và cháu gái đã xuất giá không tang.

* *

H. — Để trở về hàng người họ

— Trở trưởng họ và mẹ vợ người ấy đều 3 tháng.

* *

I. — Tam phụ bát mẫu trở báo lại

— 1. Cha ghe có con riêng vợ, mà người con ấy theo mẹ (hoặc mẹ đẻ, hoặc mẹ kế, hoặc mẹ thứ) cùng ở với mình thì trở con ấy 1 năm ; không thì không tang.

— 2. Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu, thứ-nẫu, trở con chồng. Với con dâu trưởng chồng 1 năm. Dâu thứ 9 tháng, con gái chồng đã xuất-giá 9 tháng.

— 3. Kế mẫu lại đi lấy chồng, mà con chồng có theo đi cùng ở thì trở con ấy một năm; không thì không tang.

— 4. Giá mẫu, (1) xuất mẫu (2) trở con mình sinh ra 1 năm; con gái đã xuất giá thì 9 tháng.

— 5. Thứ-nhau trở con mình sinh ra với con chồng đều một năm

K. Đề trở về họ ngoại nhà mẹ

— 1. Trở ông bà sinh ra mẹ, và anh em ruột với mẹ (cậu, chị em ruột với mẹ (gà, di) thời đều 5 tháng. Vợ cậu, chồng di thời không tang. Nếu có ở chung một nhà thời trở 3 tháng.

— 2. Trở ông bà sinh ra Đích mẫu, Kế-mẫu, Từ mẫu cùng anh em chị em ruột với các đấng ấy 5 tháng.

— 3. Trở anh em chị em con cô con cậu ruột, cùng con già con di ruột, đều 3 tháng.

— 4. Cậu trở cháu trai, cháu gái, đều 5 tháng, không kể xuất giá; trở vợ cháu thì 3 tháng.

— 5. Trở ngoại-tôn nam-nữ, là trở con của con gái, với trở vợ ngoại-tôn, đều 3 tháng, không kể xuất giá.

L.— Vợ đề trở về họ nhà chồng

— 1. Trở Cao-tổ phụ mẫu, Tằng-tổ phụ mẫu chồng, đều 3 tháng. Còn như Cao tằng tổ bà thúc, Cao tằng tổ cô chồng thời không tang.

— 2. Trở ông bà chồng 9 tháng.

— 3. Trở anh em chị em ruột, chị dâu em dâu với ông chồng đều 3 tháng. Tổ-cô xiết gá không tang. Tổ bà thúc phụ mẫu với tổ-cô họ, không tang.

— 4. Trở ông bà n. cai sinh ra mẹ chồng thì 3 tháng.

(1) Giá mẫu: mẹ lại đi lấy chồng khác.

(2) Xuất mẫu: mẹ bị cha dẫy bỏ.

— 5. Trở cha mẹ chồng Trảm-thôi 3 năm. Dù chồng có đi làm con nuôi nhà người thì trở cũng như chồng.

— 6. Trở bác giai, bác gái, chú, thím là anh em ruột với cha chồng, đều 9 tháng. Trở cô là chị em ruột với cha chồng 5 tháng.

— 7. Trở bác giai, bác gái, chú thím là tụng huynh đệ với cha chồng đều 3 tháng. Trở tụng-cô là tụng tử muội với cha chồng 3 tháng, đã xuất giá thì không tang.

— 8. Trở chồng Trảm-thôi 3 năm.

— 9. Trở anh em chị em ruột với chồng, cùng vợ anh em đều 5 tháng. Chị em đã xuất giá thì 3 tháng.

— 10. Trở tụng huynh-đệ và tụng-tử-muội với chồng đều 3 tháng. Vợ tụng huynh đệ với chồng cũng vậy. Tử-muội đã xuất giá, không tang.

— 11. Trở ông bà sinh ra mẹ chồng 5 tháng.

— 12. Trở anh em chị em ruột với mẹ chồng 3 tháng. Còn thì cũng theo như chồng mà để trở.

* * *

M. — Chồng để trở về họ nhà vợ.

Chồng để trở về họ nhà vợ thì chỉ để trở bố mẹ vợ một năm, ngoài ra không phải trở ai. Vợ chết có lấy vợ khác cũng thế.

* * *

N. — Vợ lẽ để trở về họ nhà chồng

— 1. Trở cha mẹ chồng 1 năm.

— 2. Trở chồng Trảm-thôi 3 năm.

— 3. Trở vợ cả một năm.

— 4. Trở các con chồng và con mình 1 năm.

— 5. Trở cha mẹ sinh ra vợ cả 1 năm. Còn các bàng thân khác không tang.

O. — Con gái đi lấy chồng rồi, để trở về họ nhà mình

— 1. Trở cao-tổ phụ-mẫu, Tăng-tổ phụ - mẫu và Tổ phụ mẫu, cũng trở như anh em giai, không giáng.

— 2. Trở tổ bá thúc phụ mẫu với tổ cô mẫu là anh em chị em ruột với ông Tổ đều ba tháng. Tổ - cô đã xuất giá thời vô phục.

— 3. Trở cha mẹ sinh ra mình thì Ti-thôi 3 năm.

— 4. Trở bác giai, bác gái, chú thím với cô là anh em ruột với cha mình, đều 9 tháng.

— 5. Trở anh em con chú con bác với cha, đều 3 tháng. Nếu cô đã xuất giá thì vô-phục.

— 6. Trở anh em chị em ruột đều chín tháng. Chị dâu, em dâu thì năm tháng. Dạy anh trưởng-nam mà cha đã chết, người ấy thừa tự thì vẫn trở cơ-niên mà không giáng phục.

— 7. Trở anh em chị em con chú con bác thì đều 5 tháng. Vợ thì vô phục. Như chị em đã xuất giá thì 3 tháng.

— 8. Trở giai, gái con nhà anh em, gọi mình là cô thì 9 tháng. Vợ cháu với cháu gái đã xuất giá thời 5 tháng.

— 9. Trở cháu giai cháu gái nhà chú bác đều 3 tháng. Vợ cháu và cháu gái đã xuất giá thì thôi.

— 10. Trở con nhà chị em gái gọi mình bằng dì thờ 3 tháng.

* * *

P. — Đi làm con nuôi mà để trở bên cha mẹ nuôi

— 1. Trở Cao-tổ phụ mẫu bên cha nuôi: 3 tháng

— 2. Trở Tăng-tổ phụ mẫu bên cha nuôi: 5 tháng.

— 3. Trở Tổ phụ mẫu bên cha nuôi: 1 năm

— 4. Trở cha mẹ nuôi thì Ti-thôi 3 năm có gậy.

— 5. Hoặc mình phải thừa-trọng từ ông (tổ) trở lên cũng trăm thời 3 năm.

— 6. Từ ông bà sinh ra mẹ ruột đều 5 tháng.

Q. — Đi làm con nuôi để trở về họ nhà mình

— 1. Trở Cao tổ phụ mẫu: 3 tháng.

— 2. Trở Tăng tổ phụ mẫu: 5 tháng.

— 3. Trở tổ phụ mẫu: 9 tháng.

— 4. Trở cha mẹ sinh ra mình, 1 năm không gày.

— 5. Trở các giai, bác gái, chú thím với cô là anh em chị em ruột với cha, đều 9 tháng. Cô đã xiết giá thì 5 tháng.

— 6. Trở anh em chị em ruột: 9 tháng. Chị em dâu 3 tháng. Chị em gái đã xuất giá: 5 tháng.

— 7. Trở ông bà ngoại: 3 tháng.

R. — Đương trọng-tang lại gặp trọng-tang

Tang cha chưa hết mà lại gặp tang mẹ, thời khi nào làm lễ trừ phục tang cha, cũng phải mặc áo trừ tang để làm lễ Đại-tường, là tỏ ý rằng đã hết tang trước, song rồi lại mặc áo trở tang mẹ. Nếu tang mẹ chưa táng mà gặp tiết đại tường của cha thì không được mặc tường phục. (Đương tang mẹ nà gặp tang cha cũng thế).

Lễ dõ

Từ cụ tổ năm đời trở lên thì thời không phải cúng dõ nữa, chỉ từ cụ tăng tổ trở xuống phải rước ngày dõ, hôm tiền nhất nhật lễ cáo, hôm chính dõ làm lễ sớm.

Lễ chỉ cốt thành kính hương hoa dầu nước, họp cả người trong nhà lại trước bàn thờ, trước khi làm lễ, người

gia trưởng thuật lại những chuyện hồi sinh-thời người chết hôm ấy và bảo ban người nhà ghi nhớ cái ơn đức người ấy đối với mình bây giờ là thế nào, rồi kính cẩn chĩnh-tề và làm lễ, lễ xong lại cùng ngồi lẳng-lặng ngẫm-nghĩ trong vài mươi phút.

Lễ tết

Các ngày tiết lệ vô ý nghĩa như *Đoan-ngũ*, *thượng-nguyên*, *trung-nguyên*, *trung-thu*, nên thôi cả, chỉ những ngày tết *nguyên đán*, tết *Thanh-minh* (trong tháng ba ngày nào (an) rảo đi tảo mộ cũng được), tết *cơm mới* (trong tháng chín ngày nào tùy tiện cũng được) thì nhớ tiết lệ làm lễ với tổ tiên.

Như trong nhà vốn không thờ vị thần nào thì thôi; nếu có thờ vị thần nào với thổ công, thổ - thần thì những ngày tiết lệ kể trên cũng nên tế (hoặc cúng) cáo.

Làm lễ

Các ngày đồ tết, con cháu trong nhà, như họp cả được nhà người trưởng mà làm lễ là nhất, nếu không thể được thì tùy lệu ai ở đâu thiết vị ở đấy làm lễ cũng được.

Đồ lễ cốt có đèn nến, hương, hoa, dầu, rượu (rượu trời tức nước lã), còn cỗ bàn tùy ý làm thế nào cũng được hay không có cũng không sao.

Nơi thiết vị làm lễ phải quét dọn bày bện tại giữa nhà chỗ tôn nghiêm nhất, hết sức làm cho được sạch-sẽ trang trọng uy-nghi.

Khi làm lễ hoặc tế hoặc cúng cũng vậy, cũng trước hết thì đốt nến, đốt hương, rồi lạy bốn lạy nghêah thần, rồi

ứng cúi đầu vái dâng rượu, rồi qui đọc văn tế hoặc khấn, rồi vái, đứng giậy, lại lạy bốn lạy tạ thần, thế là lễ tất. Chỉ khác : tế thì đội mũ mặc áo giải, cả nhà lớn nhỏ đều vào làm lễ một lượt, người chủ tế đứng trên, còn mọi người theo thứ tự đứng bồi tế, và có văn tế cất hẳn một người tuyên đọc ; cúng thì đội khăn mặc áo thường cũng được ; một người chủ tế vào làm lễ, khấn trước, rồi mọi người trong nhà vào làm lễ lần lượt sau, chỉ lạy bốnạy thôi ; tế thì có nhờ mấy người ngoài tương lễ : một người xướng lễ, đầu tiên xướng « đốt hương nển », rồi xướng « lạy nghênh thần » lạy bốn lạy, xướng bốn lần, rồi xướng « dâng rượu », rồi xướng « cúi đầu vái », rồi xướng « qui », rồi xướng « đọc văn tế », rồi xướng « vái dậy », rồi xướng « lạy tạ thần », lạy bốn lạy xướng bốn lần, rồi xướng « đốt văn tế », rồi xướng « lễ tất ». Trước khi làm lễ đã định sẵn hai người vào việc đốt hương nển, lúc nghe xướng thì một người đốt nển, một người đốt hương, ba người vào việc dâng rượu, lúc nghe xướng mỗi người rót một ly rượu để vô đài rượu, dâng lên ban thờ, một người vào việc đọc văn tế, lúc nghe xướng đi tới nơi ban thờ lấy văn tế đem qui bên người chủ tế tuyên đọc, xong lại để lên trên ban thờ, một người vào việc đốt văn tế, lúc nghe xướng, tới ban thờ lấy văn tế đứng đốt, một người tán lễ, đứng ngay cạnh người chủ tế, lúc nghe xướng « lạy nghênh thần » thì xướng lại « đều lạy » cho người chủ tế và các người bồi tế cùng lạy, bốn lạy cũng xướng lại bốn lần, rồi xướng hung cho đứng dậy, lúc nghe xướng « cúi đầu vái » thì xướng lại cho người chủ tế cúi đầu vái, lúc nghe xướng « qui » thì xướng lại cho người chủ tế qui, lúc nghe xướng « vái dậy » thì xướng lại cho người chủ tế vái dậy, lúc nghe xướng « lạy tạ thần » thì xướng lại « đều lạy » cho người chủ tế và các người bồi tế cùng lạy, lạy bốn lạy cũng xướng lại bốn lần, rồi xướng hung cho đứng dậy ; cúng thì mọi việc đó người chủ tế một mình làm lấy cả mà thôi.

Văn-tê và Văn-khân

Văn tế (hoặc khấn) ông bà (1) cha mẹ khi làm lễ tang

Ngày . . . tháng . . . năm . . . tòi (2) tên . . . vâng lời (3)
... cùng cả nhà lớn nhỏ cúi xin dâng hương hoa dầu rượu
kính cáo trước linh vị (4) rằng : nhân vị (5).

Trộm nghĩ : đức cả sinh thành, công tày hóa - dục, một
phút bề dâu trăm năm sương móc. Tưởng nớ âm
dung, ngậm ngùi hương khóc, lễ điện ba tuần, ruột sầu
chín khúc.

kính cáo.

(1) Cha mất rồi mà gặp tang ông bà thì cháu phải đứng chủ tang
vào làm chủ lễ.

(2) Cha mẹ cùng mất rồi thì tự xưng là cô ai-tử. Mẹ mất mà cha
còn thì tự xưng là ai-tử. Cha mất mà mẹ còn thì tự xưng là cô-tử.
Cha mất rồi đứng chủ tang ông bà thì tự xưng là thừa trọng tôn.

(3) Gặp tang ông, cha mất rồi mà bà và mẹ còn thì nói vâng lời bà
và mẹ. Tang mẹ mà còn cha thì nói vâng lời cha. Tang cha mà còn
mẹ thì nói vâng lời mẹ. Không còn ai là người trên trong nhà nữa
thì thôi không phải nói vâng lời ai.

(4) Tang ông thì kêu cố - tổ - phụ tên tự hiệu
Tang bà thì kêu cố-tổ-mẫu tên tự hiệu
Tang cha thì kêu cố phụ tên tự hiệu
Tang mẹ thì kêu cố mẫu tên tự hiệu

(5) Lễ nhập quan thì nói nhân vị đến giờ nhập quan nên cáo lễ
vậy. Lễ thành phục thì nói nhân vị ngày nay thành phục nên
cáo lễ vậy. Lễ đem táng thì nói nhân vị ngày nay đem táng nên
cáo lễ vậy. Lễ ngu (ba ngày) thì nói nhân vị tống táng
xong rồi, phụng an thần vị, nên cáo lễ vậy. Lễ trăm ngày thì nói
nhân vị ngày nay đến trăm ngày nên cáo lễ vậy. Lễ tiểu-tường (dỗ
đầu) thì nói nhân vị đến ngày tiểu tường nên cáo lễ vậy. Lễ
đại-tường (dỗ hết) thì nói nhân vị đến ngày đại-tường nên cáo
lễ vậy. Lễ trừ phục thì nói nhân vị đến ngày trừ phục nên
cáo lễ vậy.

Văn tế (hoặc khấn) chú, bác, cô, dì, cậu, anh, em (không có con lên mình phải chủ tang) khi làm lễ táng

Ngày tháng năm tôi (1) tên cúi dâng hương hoa dầu rượu kính cáo trước linh vị (2) rằng : nhân vị (3)

Trộm nghĩ : di luân nghĩa trọng, cốt nhục tình thâm ; vô thường một phút, cách biệt muôn năm. Kính dâng điện lễ, khôn xiết thương tâm.

Kính cáo

Văn tế (hoặc khấn) ngày dõ

Ngày tháng năm tôi (4) tên cùng cả nhà lớn nhỏ cúi dâng hương hoa dầu rượu kính cáo trước thần-vị (5) rằng : nhân vị (6)

Trộm nghĩ : đời nay ấu quả, người trước giống cây. Công ơn để bụng, ky-nhật nhớ ngày. Kính dâng lễ mọn, xin chứng lòng ngay.

Kính cáo

1) Tang bác chú thì tự xưng là diệt. Tang cô thì tự xưng là biểu diệt. Tang dì thì tự xưng là di-tử. Tang cậu thì tự xưng là sanh. Tang anh thì tự xưng là em. Tang em thì xưng là anh.

2) Bác thì kêu là cố bá-phụ. Bác gái thì kêu là cố bá-mẫu. Chú thì kêu là cố thúc-phụ. Thím thì kêu là cố thúc-mẫu. Cô thì kêu là cố cô-mẫu. Dì thì kêu là cố di-mẫu. Cậu thì kêu là cố cữu-phụ. Anh thì xưng là cố huynh. Chị dâu thì xưng là cố tâu. Chị ruột thì xưng là cố tỉ. Em ruột gái thì xưng là cố muội. Em thì xưng là cố đệ. Em dâu thì xưng là cố đệ-phụ.

3) Cũng như bài trên, lễ nào thì nói nhân vị lễ ấy.

4) Dõ ông bà trở lên thì tự xưng là tự tôn. Dõ cha mẹ thì tự xưng là tự tử.

5) Cụ tăng-tổ thì xưng hiển tăng tổ. Cụ bà tăng-tổ thì xưng tăng tổ tỉ; bà đích thì xưng đích tăng tổ tỉ, bà kế thì xưng kế tăng tổ tỉ, bà thứ thì xưng thứ tăng tổ tỉ. Ông thì xưng hiển tổ, bà thì xưng tổ tỉ, (bà đích thì xưng đích tổ tỉ, bà kế thì xưng kế tổ tỉ, bà thứ thì xưng thứ tổ tỉ). Cha thì xưng hiển khảo, mẹ thì xưng hiển tỉ (mẹ đích thì xưng đích hiển tỉ, mẹ kế thì xưng kế hiển tỉ, mẹ thứ thì xưng thứ hiển tỉ).

6) Hôm tiền nhất nhật thì nói nhân vị mai đên ngày dõ nên cáo lễ trước vậy. Hôm dõ thì nói nhân vị nay là ngày dõ nên cáo lễ vậy.

Văn tế (hoặc khấn) ngày tiết lệ

Ngày tháng năm hậu-tự tên
cùng cả nhà lớn nhỏ cúi dâng hương hoa dầu rượu kính
cáo trước thần vị các đấng cao tăng tổ khảo tử rǎng : nhân
vị (1)

Trộm nghĩ (2)

°

Văn tế (hoặc khấn) các vị thánh thần thờ ở nhà mình

Ngày tháng năm tín-chủ tên
cùng cả nhà lớn nhỏ cúi dâng hương hoa dầu rượu kính
cáo trước thần vị (3)

Rǎng : nhân vị (4)

Trộm nghĩ : cao dày đức cả, phù hộ ơn thâm ; nhớ ngày
tiết lệ, dâng cúng thành tâm.

Kính cáo

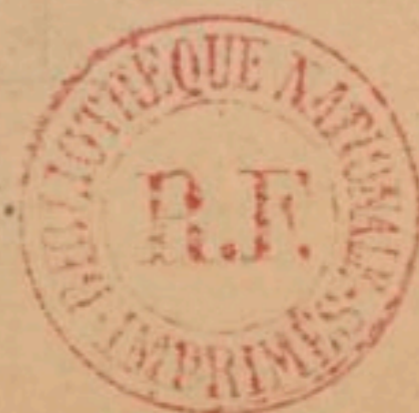


1) Tết nguyên đán thì nói nhân vị gặp tiết nguyên đán nên cáo
lễ vậy. Tiết thanh minh thì nói nhân vị gặp tiết thanh minh nên
cáo lễ vậy. Tiết cơm mới thì nói nhân vị gặp tiết cơm mới nên cáo
lễ vậy.

2) Văn cũng như văn cúng ngày đỗ, chỉ đổi hai chữ « ky nhật »
làm hai chữ « tiết lệ » mà thôi.

3) Lễ vị nào thì kêu danh hiệu vị ấy.

4) Cũng như bài trên gặp tiết nào thì nói tiết ấy.



Khoản thức biên gia phả



Cách làm gia - phả cứ tính tự mình là một đời, cha mẹ là hai đời, ông bà là ba đời, cụ ông cụ bà là bốn đời, kỵ ông kỵ bà là năm đời, rồi lên trên mãi đến cụ ông cụ bà thứ sáu đời, thứ bảy đời, thứ tám đời v. v. cho mãi đến đời nào quên không ghi nhớ được nữa thì thôi, mỗi vị phải biên tên húy, tên tự, tên hiệu, sinh ngày nào, tháng nào, năm nào, mất ngày nào, tháng nào, năm nào, lúc sinh - thời làm nghề nghiệp gì, có đức tính gì hay, sự nghiệp gì lớn, sinh hạ được mấy con : mấy trai, mấy gái, người nào do bà đích sinh, bà kế sinh hay bà thứ sinh, người nào tên gì. Đời nào có mấy bà (đích kế, thứ) thì phải biên cả mấy bà ; trừ ra mình là về giòng bà đích hoặc bà kế mà bà thứ có con thờ phụng riêng một giòng thì không phải biên các bà thứ. Hay là mình là về giòng một bà thứ thì chỉ phải biên bà đích bà kế mà không phải biên các bà thứ khác. Nếu quên không ghi nhớ được chỗ nào thì đành bỏ khuyết chỗ đó.

Mỗi xuống một đời thì thế thứ xưng - hô các đời về trước lại khác cả, nên mỗi đời lại phải biên lại gia-phả. Vậy cứ theo khoản thức đã liệt sẵn sau đây mà biên thành gia-phả, ghi nhớ được đến đời nào thì biên đến đời ấy, ghi nhớ được khoản nào thì biên khoản ấy, còn đâu quên không ghi nhớ được thì bỏ trống.

Từ trang 19 bên phải dở đi thì ai có quyền này cứ theo chỗ đề chống mà — biên gia phả nhà mình vào. —

HIỀN-KHẢO (CHA)

Tên húy là gì

Tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

Sinh hạ được mấy con
mấy trai mấy gái
con trai tên là gì, người nào do bà nào sinh.

Con gái tên gì, người nào do bà nào sinh.

HIỀN-TỔ KHẢO (ÔNG)

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

HIỀN-TỔ TỬ (BÀ)

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

KẾ HIỀN-TỔ TỬ (BÀ KẾ)

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

Sinh hạ được mấy con

Mấy trai mấy gái

Con trai tên gì, người nào do bà nào sinh

Con gái tên gì, người nào do bà nào sinh

TẶNG TỔ TỬ (CỤ BÀ)

Tên húy là gì tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày tháng năm

Mất ngày tháng năm

Táng tại

Lúc sinh thời

THỨ TẶNG TỒ TỬ (CỤ BÀ THỨ)

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

CỤ TỔ (1)	THỨ (2)	ĐỜI
Tên húy là gì	Tên tự là gì	
Tên hiệu là gì		
Sinh ngày	tháng	năm
Mất ngày	tháng	năm
Táng tại		
Lúc sinh thời		

(1) cụ tổ ông thì điền chữ “ông” vào ; cụ tổ bà thì biên chữ “bà” vào, cụ tổ bà kế thì biên chữ “bà kế” vào cụ tổ bà thứ thì biên chữ “bà thứ” vào.

(2) Tính đời thứ mấy thì biên vào, như cụ tổ đời thứ sáu thì biên chữ “sáu” v. v.

sinh hạ được mấy con

mấy trai

mấy gái

con trai tên gì ,người nào do bà nào sinh

con gái tên gì ,người nào do bà nào sinh.

(1) các cụ tổ bà không phải biên chỗ này

CỤ TỒ

THỨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

CỤ TỒ

THỨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

CỤ TỒ

THỨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh - thời

Sinh hạ được mấy con

Mấy trai mấy gái

Con trai tên gì, người nào do bà nào sinh

Con gái tên gì, người nào do bà nào sinh

CỤ TỒ

THŨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

Sinh hạ được mấy con

Mấy trai

mấy gái

Con trai tên gì, người nào do bà nào sinh.

Con gái tên gì, người nào do bà nào sinh.

QUY TỖ

THỨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh thời

Sinh bà được mấy con

Mấy trai mấy gái

Con trai tên gì, người nào do bà nào sinh

Con gái tên gì, người nào do bà nào sinh.

CỤ TỒ

THỨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh-thời

Sinh hạ được mấy con

Mấy trai

mấy gái

Con trai tên gì, người nào do bà nào sinh.

Con gái tên gì, người nào do bà nào sinh.

CỤ TỒ

THỨ

ĐỜI

Tên húy là gì

tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại

Lúc sinh - thời

CỤ TỜ

THỨ ĐỜI

Tên húy là gì

Tên tự là gì

Tên hiệu là gì

Sinh ngày

tháng

năm

Mất ngày

tháng

năm

Táng tại


Lúc sinh thời




SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

		giá cước
1. TIẾNG GỌI ĐÀN văn luận thuyết	DƯƠNG-BÁ-TRẠC	0.40 0.16
2. TRAI LÀNH GÁI TỐT tiểu th. văn vần	—	0.25 0.13
3. QUỐC VĂN SƠ HỌC ĐỌC BẢN sách lập đọc ở lớp nhi NGUYỄN ĐỨC PHONG và	—	0.65 0.23
4. BỨC THƯ NGŨ cho quan Tổng-trưởng	—	0.10 0.03
5. GIA LỄ GIẢN YẾU	—	0.15 0.03
6. CẢNH THU DI HẠN hiệp tình tiểu th.	DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN	0.50 0.23
7. CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG	—	1.20 0.22
8. QUỐC VĂN TRÍCH ĐIỂM Cao đẳng Tiểu học đọc bản in lần thứ tư	DƯƠNG-QUẢNG-HÀM	0.85 0.19
9. LEÇONS D'HISTOIRE D'ANNAM	—	0.80 0.19
10. RECUEIL DE DICTÉES au C. E. P.	—	0.45 0.16
11. LECTURES LITTÉRAIRES SUR L'INDOCHINE par PUJARNICLE et	—	1.20 0.23
12. TẬP BÀI THI BĂNG SƠ HỌC YẾU LƯỢC DƯƠNG-QUẢNG-HÀM và	DƯƠNG-TỰ-QUÁN	0.35 0.16
13. VĂN VĂN BÁCH TUYỀN	—	0.35 0.16
14. VÌ ĐÁU NÊN NÔI tiểu thuyết	—	0.12 hết
15. NƯỚC ĐỜI ÉO LÉ tiểu thuyết	—	0.65 —
16. CŨNG BẠN THOA QUẦN	—	0.12 0.13
17. THỜI ĐỜI ĐƠN BẠC	—	0.38 0.16
18. GIỜ CÓ MẮT cảnh thể tiên thuyết	—	0.12 0.13
19. GIỌT LÈ PHÒNG VẤN Văn lan lệ sử	—	0.25 0.13
20. BỀ TRẦN CHÌM NÔI luận lý t. th.	—	0.12 0.13
21. BÔNG HOA XUÂN lập văn vui	—	0.12 0.13
22. HỌC LÀM SANG thể tục hài kịch	THÁI-PHỈ	0.25 0.13
23. NHỮNG CÔ ĐÀI CÁC RỖM	NGUYỄN-HIẾN	0.30 0.13
24. NAM NỮ TU TRI hôn-nhân vệ-sinh, trúng tử lương pháp rất tốt	HỒNG CHUNG-ANH	0.25 0.13
25. LỊCH QUỐC SỬ	NGUYỄN-VĂN-MINH	0.20 0.13

Những sách kể trên đều có bán tại các hàng sách. Mua buôn có trừ hoa hồng. Mua lẻ một cuốn một có thể gửi bằng timbres postes nhưng thêm tiền cước. Mua cả từng ấy cuốn, cước chung vào độ 0\$64. Thư và mandat cứ đề cho M. Dương-Tự-Quan, chủ nhà in Đông-Tây, 193, phố hàng Bông, Hanoi thu nhận

Nhà in, hiệu sách 

DÔNG-TÂY

 193, Hàng Bông, HANOI

■ In đủ các việc ■
SÁCH HỌC, TIỂU THUYẾT,
DANH THIẾP, CẢO BẠCH,
THIỆP MỜI, THIẾP MỪNG,
TIẾP BUỒN, PHONG BÌ,
GIẤY VIẾT THƠ, FACTURES,
REÇUS, VÉ Ô TÔ, VÉ RÁP
■ HÁT, VÂN... VÂN... ■

Bán đủ các thứ sách, chuyện, giấy má, sớ, vở, bút, mực
Việc in thì nhanh. Giá in và giá hàng đều hạ hơn mọi nơi.